TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Ta.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Hiệp Q, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Chổ ở hiện nay: số 088, tổ 4, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thái N, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Lê Thị H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N cưới nhau vào năm 2013, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Hôn nhân do tìm hiểu trước được 01 năm. Sau khi cưới chị và anh N sinh sống tại tỉnh Đ và khi sinh con thì về quê chung sống cùng gia đình anh N được 01 năm, cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, khi về nhà cha mẹ chồng sinh sống thì anh N nghiện ngập ma túy, không quan tâm đến

chị và gia đình và cũng không lo làm ăn. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh N sửa đổi và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên vào năm 2014 chị bỏ về tỉnh Đ sinh sống cho đến nay. Từ khi không còn sống chung từ năm 2014 thì chị và anh N không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thái N.

Về việc nuôi con: Chị và anh N chung sống có một con chung là con trai Lê Anh K, sinh ngày 12/11/2013, hiện con chung sống cùng chị từ khi chị và anh N không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Chị là thợ làm tóc thu nhập trung bình mỗi tháng 8.000.000đ-9.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân còn lại 3.000.000đ-4.000.000đ đủ để chị nuôi dưỡng con chung, trong quá trình nuôi dưỡng con chung thì anh N không có đến thăm con nhưng có gọi được được 2-3 lần. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh N chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N chung sống với nhau không có thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2019 bị đơn anh Lê Thái N, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh không nhớ anh và chị H cưới nhau khi nào, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Hôn nhân do tự tìm hiểu nhau trước, sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vì bất đồng quan điểm, anh và chị H không sống chung từ năm 2017 đến nay và không gặp nhau hàn gắn tình cảm. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh thống nhất ly hôn. Anh thống nhất những gì chị H trình bày về con chung, tài sản chung và nợ chung, anh không bổ sung gì thêm. Anh thống nhất giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thái N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn không có mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Thái N. Về con chung giao con chung Lê Anh K, sinh ngày 12/11/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Lê Thái N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh N hiện cư trú tại ấp B, xã A, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Thái N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Thái N được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 037/2014, quyển số: 01/2014 ngày 31/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thái N. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị H cho rằng chị và anh N bất đồng quan điểm sống, anh N sử dụng ma túy, không lo làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình. Hội đồng xét xử đã động viên chị H hàn gắn tình cảm với anh N nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Anh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vẫn không đến Tòa án hòa giải với chị H để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2019 anh N trình bày thống nhất ly hôn với chị H. Cho thấy, hôn nhân giữa chị H và anh N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên việc chị Lê Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Thái N là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Thái N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Lê Anh K, sinh ngày 12/11/2013 hiện sinh sống ổn định và được chị H nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, anh N thống nhất giao con chung Anh K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Nghĩ nên tiếp tục giao con chung Anh K cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thái N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Thái N đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000876 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Thái N.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Lê Anh K, sinh ngày 12/11/2013 cho chị Lê Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Lê Thái N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh N lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000876 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/10/2019) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung